

VỀ NGUYỆN VỌNG ĐỊA BÀN NƠI LÀM VIỆC SAU KHI RA TRƯỜNG CỦA HỌC VIÊN CÔNG AN NHÂN DÂN HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ HIÊN*

1. Đặt vấn đề

Các chương trình hướng nghiệp thường khuyến khích sinh viên các trường đại học sớm có dự định về nơi làm việc sau khi ra trường. Việc sinh viên mong muốn khi ra trường sẽ đến nơi có điều kiện sống và làm việc thuận lợi là nguyện vọng chính đáng, nhất là trong cơ chế thị trường hiện nay. Tuy nhiên, các học viên sĩ quan công an nhân dân (CADN) là nhóm có nhiều đặc thù so các trường đại học khối dân sự¹. Ngay từ khi tuyển sinh cũng như trong quá trình đào tạo, họ cần nhận thức là sẽ được ngành công an sắp xếp việc làm sau khi ra trường. Phẩm chất chính trị nghề nghiệp của học viên sĩ quan CAND là “người chiến sĩ công an nhân dân sau khi ra trường sẵn sàng nhận nhiệm vụ đi bất cứ đâu, thực hiện bất cứ trách nhiệm nào mà tổ chức, cơ quan điều động²”. Câu hỏi đặt ra là trong bối cảnh xã hội hiện nay, liệu các học viên sĩ quan CAND có quán triệt quan điểm trên và sẵn sàng chấp nhận mọi công việc tổ chức phân công, hay là họ thường có mong muốn và dự định khác trên cơ sở quyền lợi của bản thân? Mặc dù luôn có khoảng cách nhất định từ nguyện vọng đến ý định và hành vi, nhưng từ góc độ quản lý ngành và xã hội, dự định nơi làm việc của học viên sĩ quan CAND không chỉ có ảnh hưởng lớn đến mục tiêu và động cơ học tập của họ mà còn tác động đến chất lượng đào tạo và quản lý nguồn nhân lực ngành công an nói chung.

Cho đến nay, đã có không ít nghiên cứu về định hướng giá trị nghề nghiệp của sinh viên khối các trường dân sự (Vũ Hào Quang, 2001; Phạm Tất Thắng, 2009). Nhìn chung, các nghiên cứu này cho thấy mong muốn lớn nhất của sinh viên sau khi tốt nghiệp là có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo ở thành phố để đảm bảo ổn định cuộc sống gia đình cũng như hứa hẹn một tương lai phát triển. Tuy nhiên, có rất ít các công trình nghiên cứu xã hội học về lực lượng vũ trang, trong đó có công an nhân dân, và không có nhiều nghiên cứu về định hướng giá trị nghề nghiệp của học viên sĩ quan công an nhân dân.

Để góp phần trả lời câu hỏi đặt ra ở trên, bài viết sử dụng số liệu khảo sát của đề tài nghiên cứu “Định hướng giá trị nghề nghiệp của sinh viên sĩ quan công an nhân dân hiện

* Học viện An ninh nhân dân, Bộ Công an.

¹ Theo Điều 40, luật Công An nhân dân (2014): “Sinh viên, học sinh Công an nhân dân được hưởng sinh hoạt phí và chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ”.

² Năm lời thề danh dự của công an nhân dân Việt Nam. Trích Quyết định số 01/QĐ-BNV ngày 01/01/1977 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an)

nay” do tác giả thực hiện tại Học viện An ninh nhân dân (ANND) năm 2014 nhằm phân tích tìm hiểu nguyện vọng và nhận diện các yếu tố liên quan chi phối lựa chọn địa bàn nơi làm việc của học viên sĩ quan công an nhân dân hiện nay. Mẫu khảo sát bao gồm 626 học viên trả lời bảng câu hỏi định lượng và 45 trường hợp phỏng vấn sâu được chọn từ 5 nhóm học viên, từ năm thứ nhất đến năm thứ năm của học viện.

2. Kết quả nghiên cứu

Kết quả khảo sát cho thấy hơn 3/4 (77,2%) sinh viên trong mẫu có nguyện vọng được làm việc ở thành phố. Chỉ có một tỷ lệ rất thấp (2,7%) học viên trả lời muốn làm việc ở nông thôn sau khi ra trường và 17,7% học viên được hỏi cho biết sẵn sàng làm việc ở bất cứ nơi nào được tổ chức/ngành phân công. Như vậy, xu hướng phổ biến trong sinh viên CAND là có mong muốn được làm việc ở thành phố khi ra trường. Kết quả này rất đáng lưu ý vì nguyên tắc “sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì tổ chức phân công điều động” ít được các học viên quán triệt. Nguyên nhân có thể là mong muốn và định hướng nghề nghiệp của nhiều học viên CAND đang bị chi phối bởi những nhu cầu và lợi ích cá nhân, khác với mong đợi của ngành và của xã hội. Điều kiện làm việc cũng như các khía cạnh khác liên quan đến cuộc sống tương lai của bản thân và gia đình có tính hấp dẫn và chi phối mỗi quan tâm của các học viên hiện nay. Điều đáng quan tâm là xu hướng trên sẽ tác động đến công tác phân công công việc và gây ảnh hưởng đến hiệu quả nguồn nhân lực của ngành công an.

Vậy các đặc điểm cá nhân và gia đình của học viên có ảnh hưởng như thế nào đến định hướng nói trên? Trong phần tiếp theo, các biến số cá nhân như năm học, giới tính học viên, nhóm biến số gia đình như nơi ở, nghề nghiệp cha mẹ, và mức sống gia đình được phân tích tương quan với nguyện vọng nơi làm việc của học viên khi ra trường.

2.1. Năm học và nguyện vọng nơi làm việc

Kết quả cho thấy, 76,5% nhóm học viên nhóm một (3 năm đầu) mong muốn làm việc ở thành phố, trong khi tỷ lệ này ở nhóm hai (2 năm cuối) là 78,1%. Tỷ lệ mong muốn làm việc ở nông thôn là rất thấp và không có sự khác biệt đáng kể giữa 2 nhóm (Bảng 1).

Bảng 1: Nguyện vọng địa bàn nơi làm việc khi ra trường của học viên ANND

Đơn vị: %

Nguyện vọng địa bàn nơi làm việc	Nhóm học viên		Chung
	Ba năm đầu	Hai năm cuối	
Thành thị	76,5	78,1	77,2
Nông thôn	2,2	3,5	2,7
Bất cứ nơi nào được phân công	18,6	16,4	17,7
Không biết	2,7	2,0	2,4
N	370	256	626

Ghi chú: Kết quả kiểm định $\chi^2 (6) = 2.77; p = 0.837$.

Nguồn: Kết quả khảo sát tại Học viện ANND năm 2014.

2.2. Giới tính và nguyện vọng nơi làm việc

Số lượng học viên nữ được tuyển vào trường thấp hơn đáng kể so với học viên nam, bởi quan niệm công an vẫn được xem là công việc phù hợp hơn đối với nam giới. Theo số liệu thống kê của phòng đào tạo, năm học 2013- 2014 Học viện ANND tuyển được 4.415 sinh viên, trong đó số sinh viên nữ là 684 (chiếm 15,4%). Vậy có khác biệt như thế nào về nguyện vọng địa bàn nơi làm việc giữa sinh viên nữ và sinh viên nam?

Kết quả khảo sát cho thấy có sự chênh lệch rõ rệt giữa nhóm sinh viên nam và nữ đối với nguyện vọng về nơi làm việc sau khi ra trường. Thể hiện rõ nhất là ở hai hình thức địa bàn nơi làm việc ở thành phố và làm việc ở bất cứ nơi nào: 88,4% học viên nữ trong mẫu phỏng vấn cho biết mong muốn được làm việc ở thành phố sau khi ra trường, trong khi tỷ lệ này ở nhóm học viên nam là 74,7%. Có 20,2% học viên nam cho biết sẵn sàng làm việc ở bất cứ nơi nào tổ chức phân công thì tỷ lệ này ở nhóm học viên nữ chỉ là 6,3%. Điều này cho thấy học viên nam có tâm thế sẵn sàng hơn đối với sự điều động của tổ chức, làm việc ở bất cứ nơi nào dù khó khăn, vất vả trong công việc (Bảng 2).

Bảng 2: Nguyện vọng địa bàn nơi làm việc khi ra trường theo giới tính

Đơn vị: %

Nguyện vọng địa bàn nơi làm việc	Giới tính		Chung
	Nam	Nữ	
Thành thị	74,7	88,4	77,2
Nông thôn	2,5	3,6	2,7
Bất cứ nơi nào được phân công	20,2	6,3	17,7
Không biết	2,5	1,8	2,4
N	514	112	626

Ghi chú: kết quả kiểm định $\chi^2 (6) = 14.037; p = 0.002$.

Nguồn: Kết quả khảo sát tại Học viện ANND năm 2014.

Sự khác biệt về nguyện vọng nơi làm việc giữa học viên nam và nữ cũng được thể hiện rõ hơn trong kết quả phỏng vấn sâu được minh họa ở phần dưới đây.

Hộp 1. Nguyện vọng địa bàn nơi làm việc khi ra trường

“Gia đình em có ba anh em trai, sau này ra trường em nghĩ nhà trường và ngành điều động đi đâu làm việc cũng được miễn là nơi làm việc đó đúng với chuyên ngành em đã học. Đối với em thu nhập cũng không phải là vấn đề quan trọng” (Nam, học viên năm thứ 2, nơi ở gia đình nông thôn, cha mẹ nông dân, mức sống trung bình, Hưng Yên).

“Em không phải bận tâm về việc làm ở đâu vì bố em đang công tác trong ngành công an tỉnh nên sau này ra trường công ăn việc làm sẽ do bố mẹ em lo liệu phù hợp với con gái. Em nghĩ con gái công việc chính là phải chăm sóc gia đình, bố mẹ, chồng con. Đi làm công tác xa nhà thì không phù hợp” (Nữ, học viên năm thứ 4, nơi ở gia đình thành phố, cha mẹ cán bộ, mức sống gia đình khá giả, Điện Biên).

Như vậy, các thông tin phỏng vấn sâu một lần nữa xác nhận thực tế sự khác biệt giới về nguyện vọng nơi làm việc sau khi ra trường của các nhóm học viên. Điều đó có thể phản ánh định kiến xã hội ngay trong chính bản thân nhóm học viên nữ về nghề nghiệp và nơi làm việc của họ sau khi ra trường.

2.3. Nơi cư trú và nguyện vọng địa bàn nơi làm việc

Hoàn cảnh, nơi ở gia đình cũng được xem là biến số quan trọng ảnh hưởng đến suy nghĩ và mong muốn địa bàn nơi làm việc sau khi ra trường của các nhóm học viên CAND hiện nay. Kết quả cuộc khảo sát định lượng cho thấy sự khác biệt không đáng kể giữa hai nhóm học viên có gia đình sống ở nông thôn và nhóm học viên gia đình sống ở đô thị về nguyện vọng môi trường làm việc sau khi ra trường. Cụ thể, có 77,4% nhóm học viên nông thôn mong muốn làm việc ở thành phố, và tỷ lệ này ở học viên đô thị cũng tương tự: 76,7%. Với các phương án trả lời khác thì cũng không có sự khác biệt đáng kể giữa hai nhóm học viên nông thôn và thành thị.

Có thể nói, kết quả định lượng cho thấy một điều ngạc nhiên là có một sự đồng nhất rất cao giữa học viên nông thôn và đô thị đối về nguyện vọng nơi làm việc khi ra trường. Thực tế này cũng được xác minh và phản ánh trong các phỏng vấn sâu các nhóm nam nữ sinh viên đang theo học tại Học viện ANND.

Hộp 2. Nguyện vọng địa bàn nơi làm việc của học viên nông thôn và đô thị

“Em cũng như nhiều bạn khác trong lớp, ai cũng mong muốn khi ra trường được sắp xếp việc làm và ổn định công việc ở thành phố. Vì ở thành phố có điều kiện học tập nâng cao chuyên môn và có đầy đủ các dịch vụ phục vụ cho nhu cầu của bản thân và gia đình sau này. Nhưng nếu không xin ở lại được thì nhà trường điều đi đâu cũng được”(Nam, học viên năm thứ 4, nơi ở gia đình nông thôn, cha mẹ nông dân, mức sống trung bình, Hòa Bình).

“Ra trường được ở lại thành phố làm việc là đúng nguyện vọng của em và gia đình. Thực tế bố mẹ và gia đình đang ở đây, nếu phải đi xa thì rất khó cho cuộc sống của em sau này”(Nam, học viên năm thứ 4, nơi ở gia đình thành phố Hà Nội, cha mẹ cán bộ, mức sống gia đình khá).

Như vậy, nơi làm việc ở thành phố cũng là tiêu chí quan trọng đối với mong muốn của nhóm học viên CAND. Điều lý thú là kết quả nghiên cứu này tiếp tục cho thấy một xu hướng phổ biến kể cả nhóm học viên có gia đình đang sống ở nông thôn, vùng sâu xa cũng có nguyện vọng được làm việc ở thành phố để có điều kiện tốt hơn về công việc cũng như cuộc sống gia đình trong tương lai. Các kết quả và thông tin này sẽ là cơ sở tham khảo hữu ích đối với nhà trường, học viện và ngành công an trong việc đào tạo và sắp xếp công việc cho sinh viên khi ra trường.

2.4. Nghề nghiệp cha mẹ và nguyện vọng địa bàn nơi làm việc

Nghề nghiệp chính của cha mẹ là biến số liên quan đến hoàn cảnh gia đình của mỗi sinh viên. Trong nghiên cứu của Phạm Tất Thắng (2009) đã chỉ ra nghề nghiệp của cha mẹ có ảnh hưởng đến định hướng về môi trường làm việc sau khi ra trường của các nhóm sinh viên khối trường dân sự. Bảng 3 cho thấy nhóm học viên trường ANND có bố mẹ là

cán bộ có xu hướng mong muốn làm việc ở thành phố cao hơn hai nhóm học viên còn lại có bố mẹ làm kinh doanh và nông dân. Ngược lại, kết quả cho thấy nhóm học viên có bố mẹ là nông dân có xu hướng sẵn sàng làm việc ở bất cứ nơi nào được phân công khi ta trường hơn so với nhóm học viên có bố mẹ là cán bộ. Tuy nhiên, kết quả kiểm định không cho thấy những khác biệt này là có ý nghĩa thống kê.

Bảng 3: Nguyên vọng địa bàn nơi làm việc theo nghề chính của cha, mẹ học viên

Đơn vị: %

Nguyên vọng nơi làm việc	Nghề chính của mẹ			Nghề chính của bố		
	Nông dân	Kinh doanh	Cán bộ	Nông dân	Kinh doanh	Cán bộ
Thành thị	76,5	75,6	79,1	74,7	81,8	77,7
Nông thôn	3,4	3,1	1,7	3,2	1,8	1,7
Bất cứ nơi nào được phân công	18,3	15,7	17,8	20,1	13,6	18,0
Không biết	1,9	5,5	1,3	2,0	2,7	2,6
N	268	127	230	249	110	233

Ghi chú: Nghề của mẹ: $\chi^2(12) = 18.167; p = 0.11$; Nghề của bố: $\chi^2(12) = 13.501; p = 0.334$.

Nguồn: Kết quả khảo sát tại Học viện ANND năm 2014.

2.5. Mức sống gia đình và nguyên vọng địa bàn nơi làm việc

Kết quả khảo sát cho thấy có sự khác biệt rõ rệt giữa các nhóm mức sống gia đình sinh viên đối với mong đợi về địa bàn nơi làm việc sau khi ra trường. Nhóm học viên thuộc gia đình mức sống khá giả và trung bình có xu hướng mong muốn làm việc ở thành thị, trong khi nhóm sinh viên thuộc gia đình mức sống nghèo có nguyên vọng làm việc ở thành thị với tỷ lệ thấp hơn đáng kể. Cụ thể, có đến 81,5% sinh viên thuộc gia đình mức sống khá giả và 77,3% sinh viên nhóm gia đình có mức sống trung bình mong muốn làm việc ở thành phố, trong khi tỷ lệ này ở nhóm sinh viên gia đình có mức sống nghèo là 61,3%. Sự khác biệt giữa các nhóm tiếp tục thể hiện đối với nơi làm việc là nông thôn. Có đến 6,5% học viên nhóm gia đình mức sống nghèo mong muốn được làm việc ở nông thôn sau khi ra trường, trong khi tỷ lệ này ở nhóm học viên trong gia đình có mức sống khá giả là 4,3% và nhóm học viên trong gia đình có mức sống trung bình là 2,2% (Bảng 4).

Bảng 4. Nguyên vọng địa bàn nơi làm việc theo mức sống gia đình học viên

Đơn vị: %

Nguyên vọng địa bàn nơi làm việc	Mức sống gia đình			
	Khá giả	Trung bình	Nghèo	Chung
Thành thị	81,5	77,3	61,3	77,2
Nông thôn	4,3	2,2	6,5	4,3
Bất cứ nơi nào được phân công	14,1	17,9	25,8	17,7
Không biết	0,0	2,6	6,5	2,4
N	92	503	31	626

Ghi chú: kết quả kiểm định $\chi^2(12) = 34.311; p = 0.001$.

Nguồn: Kết quả khảo sát tại Học viện ANND năm 2014.

Các dẫn chứng và phân tích từ số liệu định lượng đã cho thấy tương đối rõ hoàn cảnh gia đình có liên quan đến nguyện vọng về nơi làm việc sau khi ra trường của các nhóm học viên thuộc Học viện ANND hiện nay. Các thông tin phỏng vấn sâu dưới đây sẽ phản ánh rõ hơn hoàn cảnh gia đình và những khác biệt về nguyện vọng giữa các nhóm học viên CAND.

Hộp 3. Mức sống gia đình và nguyện vọng địa bàn nơi làm việc khi ra trường

“Bố mẹ có mình em. Tốt nghiệp ra trường, nếu phải điều đi xa công tác thì rất khó cho gia đình vì bố mẹ không thể đi theo em. Do vậy em mong được làm việc gần nhà, dù xin việc phải tốn kém gia đình cũng sẵn sàng để có điều kiện chăm sóc bố mẹ”(Nữ, học viên năm thứ 3, nơi ở gia đình thành phố, cha mẹ cán bộ, mức sống gia đình khá giả, Hà Nội).

“Em thi vào được trường này là đúng với nguyện vọng của bố mẹ em. Việc sau này về làm ở đâu thì bố mẹ em cũng đang nhờ người quen giúp đỡ. Em mong muốn nếu được về Bộ công tác thì tốt, còn không làm ở trên công an tỉnh cũng được, vì làm việc ở đây có nhiều cơ hội tốt hơn về phát triển nghề nghiệp, kể cả thu nhập và cuộc sống. Em nghĩ thế”(Nam, học viên năm thứ 4, nơi ở của gia đình tại Thái Bình, cha mẹ bán tạp hóa, mức sống gia đình trung bình).

Nhìn chung, số liệu định lượng cuộc nghiên cứu này cho thấy các xu hướng mong đợi khác nhau về nơi làm việc của các nhóm học viên. Nơi ở gia đình và nghề nghiệp cha mẹ có ảnh hưởng quan trọng đối với mong muốn của học viên về môi trường làm việc sau khi ra trường. Không chỉ phản ánh các xu hướng nguyện vọng về nơi làm việc và khác biệt giữa các nhóm học viên sĩ quan công an nhân dân về địa bàn nơi làm việc sau khi ra trường. Kết quả thu được cũng tương đồng với các kết quả nghiên cứu về nhóm sinh viên thuộc các trường khối dân sự được tiến hành trước đó qua các nghiên cứu của Vũ Hào Quang (2001) và Phạm Tất Thắng (2009).

3. Kết luận

Cho đến nay, có rất ít những nghiên cứu xã hội học về lực lượng vũ trang, trong đó có học viên sĩ quan công an nhân dân. Phân tích này đã bước đầu phác họa một bức tranh về mong muốn và nguyện vọng địa bàn nơi làm việc khi ra trường của học viên sĩ quan công an hiện nay. Xu hướng khá phổ biến trong học viên CAND hiện nay là mong được làm việc ở thành phố sau khi ra trường, nhất là trong số nhóm học viên nữ hay nhóm học viên từ gia đình khá giả. Trong khi đó, cam kết sẵn sàng nhận nhiệm vụ đi bất cứ đâu theo sự phân công của tổ chức lại ít được học viên CAND quan tâm. Điều kiện làm việc cũng như các khía cạnh khác liên quan đến cuộc sống của bản thân và gia đình, hiện đang là những giá trị hấp dẫn và là mối quan tâm hàng đầu của các học viên CAND.

Điều này phản ánh thực tế rằng bản thân mỗi học viên đang rất chủ động về nghề nghiệp, việc làm tương lai theo tính chất nhu cầu cá nhân hơn là sắp xếp phân công của tổ chức và của ngành công an khi họ tốt nghiệp. Mặt khác, kết quả cũng cho thấy một xu hướng trái chiều về đào tạo CAND hiện nay. Trong khi nội dung chương trình giảng dạy

của nhà trường đang cố gắng truyền tải nhiệm vụ của người chiến sĩ công an nhân dân “sẵn sàng đi bất cứ nơi nào, làm bất cứ công việc nào tổ chức phân công” và “vì nhân dân phục vụ” thì nhiều học viên lại đang chủ động định hướng nghề và môi trường làm việc theo nhu cầu cá nhân và gia đình. Xu hướng trên có thể sẽ tác động không nhỏ đến công tác điều động lao động, phân bổ việc làm của ngành công an và đặt ra yêu cầu đối với việc định hướng tư tưởng và quản lý nguồn nhân lực của ngành. Tuy nhiên, do đây là kết quả khảo sát về nguyện vọng, cần có những nghiên cứu tiếp theo tìm hiểu về hành vi lựa chọn nơi làm việc thực tế sau khi tốt nghiệp của học viên CAND để có thể đánh giá cụ thể, chính xác và đầy đủ hơn về tác động này.

Tài liệu tham khảo

- Học viện An ninh Nhân dân. 2013. *Báo cáo thống kê tuyển sinh năm học 2013-2014*, Phòng Đào tạo, Học viện An ninh Nhân dân.
- Bộ Công An 2013. *Tài liệu Hội nghị Triển khai nhiệm vụ giáo dục đào tạo Công an Nhân dân năm học 2013-2014*.
- Nguyễn Như Chiến và cộng sự. 2004. *Mối tương quan giữa hoạt động giảng dạy, hoạt động quản lý giáo dục với nhân cách của sinh viên các trường công an nhân dân*. Đề tài cấp Bộ. Học viện Cảnh sát Nhân dân..
- Nguyễn Thị Phương Sâm. 2004. *Động cơ học tập của sinh viên an ninh nhân dân và một số đề xuất về xây dựng động cơ học tập tích cực cho sinh viên các trường công an nhân dân trong giai đoạn hiện nay*. Đề tài khoa học cấp cơ sở Đại học An ninh Nhân dân. Bộ Công an.
- Nguyễn Đình Thắng. 2009. *Sự lựa chọn nghề nghiệp quân sự của nhóm sỹ quan quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn hiện nay*. Luận án Tiến sỹ Xã hội học.
- Phạm Tất Thắng. 2009. *Định hướng giá trị của sinh viên (Qua nghiên cứu trường hợp sinh viên của 11 đơn vị đào tạo trên địa bàn Hà Nội)*. Luận án Tiến sỹ Xã hội học.
- Nguyễn Văn Tinh. 1999. *Định hướng nghề nghiệp của sinh viên công an nhân dân: thực trạng và giải pháp*. Đề tài cấp Cơ sở của Phân hiệu Đại học An ninh (TP. Hồ Chí Minh), Bộ Công an.
- Vũ Hào Quang. 2001. *Định hướng giá trị của sinh viên - con em cán bộ khoa học*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.